



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.  
Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International

**PKF**  
Accountants &  
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP  
CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

## MỤC LỤC

	Trang
<b>BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC</b>	1 – 2
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	3
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán	4 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 – 24

34  
CÒI  
TP  
TIẾM  
C VI  
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Hậu Giang (gọi tắt là "Đơn vị") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính từ ngày 11 tháng 07 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### **1. Thông tin chung**

Công ty được chuyển đổi từ Cổ phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Hậu Giang là đơn vị sự nghiệp được thành lập theo Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2019 của UBND tỉnh Hậu Giang và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300331469 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 11 tháng 01 năm 2020.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.
- Điện thoại : 02933 572 202
- Fax : 02933 572 202

Hoạt động chính của Đơn vị: sản xuất và cung ứng giống nông nghiệp các loại.

### **2. Các Thành viên của Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Kiểm soát viên và Ban Giám đốc trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Quốc Thứ	Chủ tịch
Bà Lê Đào Minh Tâm	Thành viên
Ông Trần Đức Định	Thành viên

#### **Kiểm soát viên**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Cảnh	Trưởng ban
Bà Lưu Thư Biên	Kiểm soát viên
Bà Nguyễn Thị Trúc Ngân	Kiểm soát viên

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Quốc Thứ	Giám đốc

#### **Đại diện pháp luật**

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Quốc Thứ	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động của Công ty trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Đơn vị có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Đơn vị với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Đơn vị và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt các Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động cho năm chính kết thúc vào cùng ngày, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



ÔNG PHAN QUỐC THỨ

Chủ tịch

Hậu Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

Số: 085/2021/BCKT-HCM.01256

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Công Nghệ Cao Hậu Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2021, từ trang 4 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**TRẦN THỊ LAN**  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2018-009-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	11/07/2020
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.427.272.785</b>	<b>11.237.081.754</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>1.927.254.494</b>	<b>2.120.644.368</b>
Tiền	111		1.927.254.494	2.120.644.368
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.315.119.809</b>	<b>2.395.750.889</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.653.021.427	670.217.107
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	2.662.098.382	1.725.533.782
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>7.184.898.482</b>	<b>6.720.686.497</b>
Hàng tồn kho	141		7.184.898.482	6.720.686.497
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	11/07/2020
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>27.353.564.346</b>	<b>22.735.256.288</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.094.736.871</b>	<b>13.701.850.062</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.5	13.094.736.871	13.701.850.062
Nguyên giá	222		36.488.655.216	37.342.852.954
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.393.918.345)	(23.641.002.892)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>13.867.440.226</b>	<b>9.033.406.226</b>
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	13.867.440.226	9.033.406.226
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>391.387.249</b>	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	391.387.249	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40.780.837.131</b>	<b>33.972.338.042</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	11/07/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>25.218.502.124</b>	<b>18.467.907.660</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.218.502.124</b>	<b>18.467.907.660</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	4.838.304.768	2.243.386.378
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	9.682.524	-
Phải trả người lao động	314		327.770.850	-
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.9	79.647.600	-
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.10	17.453.092.561	12.232.859.087
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.11	2.510.003.821	3.991.662.195
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



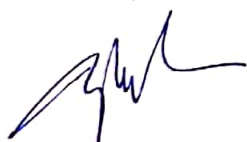
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	11/07/2020
<b>NGUỒN VỐN</b>				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		15.562.335.007	15.504.430.382
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	15.562.335.007	15.504.430.382
Vốn góp của chủ sở hữu	411		18.756.500.000	18.756.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.756.500.000	18.756.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.194.164.993)	(3.252.069.618)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.252.069.618)	(3.252.069.618)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		57.904.625	-
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40.780.837.131</b>	<b>33.972.338.042</b>



**NGUYỄN THỊ THẢO TRINH**  
Phụ trách Kế toán/Người lập biểu



**PHAN QUỐC THỦ**  
Giám đốc  
Hậu Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	9.475.843.794	13.555.846.701
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>9.475.843.794</b>	<b>13.555.846.701</b>
Giá vốn hàng bán	11	6.2	8.848.318.376	16.629.807.960
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>627.525.418</b>	<b>(3.073.961.259)</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	933.500	305.600
Chi phí tài chính	22		97.764.818	120.127.884
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		97.764.818	120.127.884
Chi phí bán hàng	25	6.4	218.043.364	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	245.319.777	38.076.013
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>67.330.959</b>	<b>(3.231.859.556)</b>
Thu nhập khác	31	6.6	-	-
Chi phí khác	32		-	-
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>67.330.959</b>	<b>(3.231.859.556)</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.12	9.426.334	20.210.062
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>57.904.625</b>	<b>(3.252.069.618)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	31	-



NGUYỄN THỊ THẢO TRINH  
Phụ trách Kế toán/Người lập biểu



PHAN QUỐC THỨ  
Giám đốc  
Hậu Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		67.330.959	(3.231.859.556)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		366.017.125	90.706.056
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(933.500)	(305.600)
Chi phí lãi vay	06		97.764.818	120.127.884
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>530.179.402</b>	<b>(3.021.331.216)</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.919.368.920)	(513.578.730)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(464.211.985)	(5.667.738.574)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.388.792.504	7.014.224.735
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(150.291.183)	=
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(97.764.818)	(120.127.884)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.287.335.000</b>	<b>(2.308.551.669)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		933.500	305.600
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>933.500</b>	<b>305.600</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	-	6.588.146.781
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(1.481.658.374)	(2.596.484.586)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.481.658.374)</b>	<b>3.991.662.195</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(193.389.874)</b>	<b>1.683.416.126</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.120.644.368	437.228.242
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	5.1	<b>1.927.254.494</b>	<b>2.120.644.368</b>



**NGUYỄN THỊ THẢO TRINH**  
Phụ trách Kế toán/Người lập biểu



**PHAN QUỐC THỨ**

Giám đốc

Hậu Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, Ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Trung Tâm Giống Nông Nghiệp tỉnh Hậu Giang, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế 6300331469 đăng ký lần đầu vào ngày 11 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp giống công nghệ cao.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất giống nông nghiệp công nghệ cao

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 không so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước. Do năm tài chính đầu tiên của Công ty từ 11/07/2020 đến 31/12/2020 (gần 6 tháng) và giai đoạn tài chính cuối cùng của Trung Tâm Giống Nông Nghiệp tỉnh Hậu Giang từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 (hơn 18 tháng).

**1.7 Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số nhân viên của Công ty là 27 người.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên của Công ty từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính của Công ty đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền 11.791.229.339 VND do Công ty tạm ghi nhận chi phí xây dựng dự án tương ứng nợ phải trả ngắn hạn vào ngân sách Nhà Nước. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ tạo ra từ hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như việc quyết toán vốn đầu tư xây dựng nêu trên. Do đó, Công ty hoàn toàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn và tiếp tục hoạt động trong nhiều năm tài chính tiếp theo. Dự trên cơ sở này, Ban Giám đốc Công ty vẫn tiến hành lập báo cáo tài chính trên cơ sở đáp ứng giải định hoạt động liên tục theo quy định hiện hành.

### 4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4.3 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

#### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian sử dụng hữu ích không quá 3 năm.

#### **Chi phí sửa chữa tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### **Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 20
Máy móc thiết bị	10 – 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08

#### 4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 4.8 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 4.9 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế được công bố tại ngày Công ty chính thức chuyển sang cổ phần.

#### 4.10 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

### 4.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

### 4.15 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên đối tượng</u>	<u>Quan hệ</u>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc	Thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020 VND	11/07/2020 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	156.741.102	37.679.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	1.770.513.392	2.082.965.368
	<b>1.927.254.494</b>	<b>2.120.644.368</b>

**5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2020 VND	11/07/2020 VND
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	876.927.100	-
Phòng kinh tế Nông Nghiệp huyện Vị Thủy	33.302.200	432.124.000
Ông Lê Minh Luân	742.792.127	238.093.107
Các khách hàng khác	<b>1.653.021.427</b>	<b>670.217.107</b>

**5.3 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020		11/07/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức, cá nhân khác</i>				
Sở Nông Nghiệp và PTNT Tỉnh Hậu Giang	880.390.000	-	-	-
Phải thu cổ phần hóa	138.000.000	-	138.000.000	-
Các đối tượng khác - tạm ứng và các khoản khác (*)	1.643.708.382	-	1.587.533.782	-
	<b>2.662.098.382</b>	<b>-</b>	<b>1.725.533.782</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó, khoản thâm hụt lũy kế (lỗ từ hoạt động sự nghiệp) được UBND tỉnh Hậu Giang thống nhất phương án xử lý tài chính ghi tăng vốn Nhà Nước, đồng thời dùng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty sau cổ phần hóa bù đắp với số tiền 1.386.596.382 VND.

**5.4 Hàng tồn kho**

	31/12/2020		11/07/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	-	-	21.007.789	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.184.898.482	-	5.751.128.879	-
Thành phẩm	-	-	948.549.829	-
	<b>7.184.898.482</b>	<b>-</b>	<b>6.720.686.497</b>	<b>-</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### 5.5 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 11/07/2020	32.690.659.775	3.261.482.705	740.833.724	649.876.750	37.342.852.954
Giảm khác (*)	(41.919.665)	(436.575.000)	(96.831.373)	(278.871.700)	(854.197.738)
Tại ngày 31/12/2020	32.648.740.110	2.824.907.705	644.002.351	371.005.050	36.488.655.216
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 11/07/2020	20.299.701.911	2.428.952.614	461.478.753	450.869.615	23.641.002.892
Khấu hao trong năm	293.438.969	43.409.048	19.702.153	9.466.955	366.017.125
Giảm khác (*)	(379.714)	(344.979.625)	(67.662.473)	(200.079.860)	(613.101.672)
Tại ngày 31/12/2020	20.592.761.166	2.127.382.037	413.518.433	260.256.710	23.393.918.345
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 11/07/2020	12.390.957.865	832.530.091	279.354.972	199.007.135	13.701.850.062
Tại ngày 31/12/2020	12.055.978.945	697.525.668	230.483.919	110.748.340	13.094.736.871

(\*) Giảm các tài sản cố nguyên giá dưới 30.000.000 VND theo hướng dẫn tại thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài Chính.

#### 5.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	11/07/2020 VND	Phát sinh tăng trong năm VND	31/12/2020 VND
Dự án khu sản xuất tự túc xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	9.033.406.226	4.834.034.000	13.867.440.226



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 5.6 Chi phí trả trước dài hạn

31/12/2020  
VND

11/07/2020  
VND

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

391.387.249

-

### 5.7 Phải trả người bán ngắn hạn

31/12/2020  
VND

11/07/2020  
VND

#### Phải trả các nhà cung cấp khác

Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Trí Tính

743.674.000

367.855.000

Cửa hàng VTN Trí Tín

368.959.500

34.040.000

Ông Trần Thiện Tính

-

394.904.000

Trung tâm Giống Nông lâm ngư nghiệp tỉnh Kiên Giang

725.400.000

3.000.271.268

-

1.446.587.378

Các nhà cung cấp khác

**4.838.304.768**

**2.243.386.378**

### 5.8 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	11/07/2020	Số phát sinh trong năm		31/12/2020
	Phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	256.190	256.190
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	9.426.334	-	9.426.334
Thuế khác	-	2.520.000	(2.520.000)	-
	-	<b>11.946.334</b>	<b>(2.263.810)</b>	<b>9.682.524</b>

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	67.330.959
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	-
Thu nhập chịu thuế	67.330.959
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế TNDN phải nộp tạm tính</b>	<b>13.466.192</b>
Giảm 30% thuế TNDN 114/2020/NĐ-CP	(4.039.858)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp</b>	<b>9.426.334</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.9 Chi phí phải trả ngắn hạn**

31/12/2020  
VND

11/07/2020  
VND

*Phải trả các đơn vị và cá nhân khác*  
Trích chi phí chưa thanh toán

79.647.600

-

**5.10 Phải trả ngắn hạn khác**

31/12/2020  
VND

11/07/2020  
VND

*Phải trả các bên liên quan*

Ông Phan Quốc Thứ - tạm mượn vốn kinh doanh  
Bà Lê Đào Minh Tâm - tạm mượn vốn kinh doanh

100.000.000

352.443.925

-

-

*Phải trả các đơn vị và cá nhân khác*

Phải trả ngân sách Nhà nước

-

138.000.000

- Tạm ứng ngân sách thanh toán chi phí cổ phần hóa

1.670.586.200

1.670.586.200

- Tạm thu chuyển nhượng vốn Nhà Nước

589.500.000

589.500.000

- Tạm ứng chi phí dự án Nông thôn miền núi

554.000.000

554.000.000

- Tạm ứng chi phí hoạt động khác

13.867.440.226

9.033.406.226

- Phải trả cổ phần hóa - Tạm ghi nhận giá trị dự án (\*)

319.122.210

247.366.661

Các đối tượng khác - Tạm mượn cá nhân và phải trả khác

**17.453.092.561**

**12.232.859.087**

(\*) Đây là khoản tạm ghi nhận giá trị xây dựng Dự án khu sản xuất tự túc xã Trường Long Tây, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang theo chi phí thực tế phát sinh được ngân sách Nhà Nước thanh toán. Số liệu sẽ được điều chỉnh bổ sung sau khi dự án hoàn thành và hoàn tất hồ sơ quyết toán dự án theo quy định hiện hành.

**5.11 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		11/07/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND

*Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác*

Ngân hàng Agribank

2.510.003.821	2.510.003.821	3.991.662.195	3.991.662.195
---------------	---------------	---------------	---------------

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	11/07/2020 VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2020 VND
Vay ngân hàng	3.991.662.195	(1.481.658.374)	2.510.003.821

00  
C  
KI  
CV  
FF

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

**5.13.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	18.756.500.000	-	18.756.500.000
Lỗ trong năm	-	(3.252.069.618)	(3.252.069.618)
Tại ngày 10/07/2020	<b>18.756.500.000</b>	<b>(3.252.069.618)</b>	<b>15.504.430.382</b>
Tại ngày 11/07/2020	18.756.500.000	(3.252.069.618)	15.504.430.382
Lỗ trong năm	-	57.904.625	57.904.625
Tại ngày 31/12/2020	<b>18.756.500.000</b>	<b>(3.194.164.993)</b>	<b>15.562.335.007</b>

**5.13.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Cổ đông	31/12/2020		11/07/2020	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Vốn Nhà nước	9.203.690.000	49,07%	9.203.690.000	49,07%
Các cổ đông khác	9.552.810.000	50,93%	9.552.810.000	50,93%
	<b>18.756.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>18.756.500.000</b>	<b>100%</b>

**5.13.3 Cổ phiếu**

	31/12/2020	11/07/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.875.650	1.875.650
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.875.650	1.875.650
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	<b>1.875.650</b>	<b>1.875.650</b>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.875.650	1.875.650
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	<b>1.875.650</b>	<b>1.875.650</b>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.



**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Doanh thu bán hàng	9.475.843.794	13.555.846.701

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho bên liên quan được trình bày ở thuyết minh số 8.2.

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Giá vốn bán hàng	8.848.318.376	16.629.807.960

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	933.500	305.600

**6.4 Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Chi phí vận chuyển hàng hóa	89.165.444	-
Chi phí bán hàng khác	128.877.920	-
	<b>218.043.364</b>	<b>-</b>

**6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	65.193.182	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	180.126.595	38.076.013
	<b>245.319.777</b>	<b>38.076.013</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO HẬU GIANG  
Số 128, Quốc lộ 61, ấp 12, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

### 6.6 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.293.432.430	945.468.000
Chi phí nhân công	934.894.288	2.022.518.046
Chi phí khấu hao tài sản cố định	366.017.125	90.706.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	771.258.773	5.335.762.232
Chi phí khác	374.197.697	129.122.000
	<b>3.739.800.313</b>	<b>8.523.576.334</b>

### 6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.904.625
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông như sau:	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	57.904.625
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	1.875.650
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>31</b>

## 7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

### 7.1 Tiền thu từ đi vay

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	6.588.146.781

### 7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.481.658.374	2.596.484.586

**8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**8.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Từ ngày 11/07/2020  
 đến ngày 31/12/2020  
 VND

Tiền lương và thưởng	163.237.500
Các khoản khác	5.400.000
	<b>168.637.500</b>

**8.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Công ty liên quan	Nội dung	Từ ngày 11/07/2020 đến ngày 31/12/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/07/2020 VND
-------------------	----------	--	--

Ông Phan Quốc Thứ	Tiền tạm mượn	100.000.000	-
Bà Lê Đào Minh Tâm	Tiền tạm mượn	352.443.925	-

Số dư các khoản phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2020 VND	11/07/2020 VND
-------------------	----------	-------------------	-------------------

Ông Phan Quốc Thứ	Tiền tạm mượn	100.000.000	-
Bà Lê Đào Minh Tâm	Tiền tạm mượn	352.443.925	-

**8.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THẢO TRINH  
 Phụ trách Kế toán/Người lập biểu



PHAN QUỐC THỨ  
 Giám đốc  
 Hậu Giang, ngày 30 tháng 03 năm 2021